

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/KDTM-ST
Ngày: 09/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
cung ứng dịch vụ lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Bé
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Cán bộ
Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên Tòa:* Ông Đào Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 –
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số:
57/2024/TLST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
cung ứng dịch vụ lao động*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
159/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên
tòa số: 179/2025/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Cung ứng Nhân Lực N; Địa chỉ trụ sở:
Phòng 202, Tòa nhà 57, số 57, L, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại
diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Huy L - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Trương Minh A, sinh năm 2002;
(Theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2025); Địa chỉ liên hệ: Số 92A, đường T, phường
P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH Một Thành Viên L; Địa chỉ trụ sở: Số 8B, đường H,
ấp 2, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân P – Giám đốc, sinh ngày
26/01/1974; Thẻ CCCD số 052074000290, cấp ngày 15/02/2023, tại Cục Cảnh sát
QLHC về TTXH; Đăng ký thường trú: Số 66, đường 18, phường B, quận B (nay là
phường A), Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Số 66, đường 18, phường B, quận B (nay là phường A),
Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 05/01/2024, Công ty TNHH Cung ứng Nhân Lực N (gọi tắt là Công ty N) và Công ty TNHH Một Thành Viên L (gọi tắt là Công ty L) đã ký kết với nhau Hợp đồng dịch vụ số 0501/2024/HĐDV/NK-LYAN (gọi tắt là hợp đồng). Công ty N là doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động. Trong hợp đồng này Công ty N chịu trách nhiệm tuyển dụng người lao động, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng lao động (bao gồm việc giao kết hợp đồng lao động, chi trả tiền lương, đóng Bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo thỏa thuận tại hợp đồng đối với người lao động lo mình tuyển dụng) và cung ứng cho Công ty L. Công ty L sử dụng, quản lý người lao động do Công ty N cung ứng và có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cung ứng lao động cho Công ty N. Người lao động mà Công ty N cung ứng cho Công ty L thực hiện việc đóng gói các hàng hoá thực phẩm: Miến, trà ...đây là công việc hợp pháp không vi phạm điều cấm của pháp luật. Theo thông tin Hoá đơn GTGT số 00000763 ngày 05/02/2024 và Hoá đơn GTGT số 00001394 ngày 05/03/2024 do Công ty N xuất, Công ty L có nghĩa vụ phải thanh toán phí dịch vụ tháng 01 và tháng 02 năm 2024 cho Công ty N. Tuy nhiên, Công ty L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Công ty N. Vì vậy, Công ty N đã ngưng thực hiện hợp đồng từ tháng 03/2024.

Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán phí dịch vụ thông qua văn bản, thư điện tử, tin nhắn, điện thoại, Công ty L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Công ty N phí dịch vụ tháng 01 và tháng 02 năm 2024 nêu trên. Ngày 27/8/2024, Công ty N đã gửi thư nhắc nợ số 05/2025/TNN-NK đến Công ty L phải có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 185.013.792 đồng. Ngày 28/8/2024, Công ty N đã trao đổi trực tiếp về khoản nợ với ông Trần Xuân P (là tổng giám đốc công ty Ly An) tại trụ sở của Công ty L, quá trình làm việc được xác nhận thông qua Biên bản làm việc về thanh toán công nợ ngày 28/8/2024. Theo Biên bản làm việc này, Công ty L cam kết sẽ thanh toán phí dịch vụ tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng cho Công ty N.

Tuy nhiên, cho đến nay Công ty L vẫn chưa thanh toán cho Công ty N bất kỳ khoản chi phí nào dù Công ty N đã nhiều lần liên hệ và nhắc nợ. Tính đến ngày 09/9/2025, số tiền nợ gốc và lãi chậm trả (tính theo lãi suất nợ quá hạn của Agribank, Vietcombank và Vietinbank = 13,875%/năm) như sau:

- Đối với số Hợp đồng 00000763 ngày 05/02/2024 (phí dịch vụ cung ứng và quản lý nguồn lao động tháng 01/2024) là 158.394.622 đồng. Tiền lãi chậm trả: Từ ngày 15/02/2024 đến 09/9/2025 là 572 ngày x 0,038% = 34.441.066 đồng.

- Đối với số Hợp đồng 00001394 ngày 05/03/2024 (phí dịch vụ cung ứng và quản lý nguồn lao động tháng 02/2024) là 14.056.452 đồng. Tiền lãi chậm trả: Từ ngày 15/03/2024 đến 09/9/2025 là 543 ngày x 0,038% = 2.901.454 đồng.

Nay nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L có trách nhiệm trả cho Công ty N tiền phí dịch vụ cung ứng lao động tổng cộng là 209.793.594 đồng (bao gồm nợ gốc là 172.451.074 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.342.520 đồng).

Các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp tại tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Nhân Kiệt, Biên bản làm việc, Thư nhắc nợ, Bảng kê

chi tiết công nợ, Hợp đồng cung cấp dịch vụ, 02 hoá đơn giá trị gia tăng, Giấy uỷ quyền + Căn cước công dân, Bảng kê tổng hợp chi phí tháng 01/2024 + 02/2024; Bảng kê chi tiết công nợ phải thu đến ngày 27/8/2024 và Bảng kê chi tiết công nợ phải thu đến ngày 09/9/2025.

Bị đơn là Công ty TNHH Một Thành Viên Ly An đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử và tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào các Điều 02, 03, 04, 306 của Luật Thương mại 2005; căn cứ Điều 117, 119, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty L có trách nhiệm trả cho Công ty N tiền phí dịch vụ cung ứng lao động đến ngày 09/9/2025 tổng cộng là 209.793.594 đồng (bao gồm nợ gốc là 172.451.074 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.342.520 đồng) và buộc Công ty L phải trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng lao động*” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 74 Luật Thương mại. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là Công ty L có trụ sở tại xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hoà Đông), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là Công ty L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Công ty N yêu cầu Công ty L có trách nhiệm trả cho Công ty N tiền phí dịch vụ cung ứng lao động đến ngày 09/9/2025 tổng cộng là 209.793.594 đồng (bao gồm nợ gốc là 172.451.074 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.342.520 đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Công ty Nhân Kiệt là doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động. Công ty Nhân Kiệt chịu trách nhiệm tuyển dụng người lao động, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng lao động (giao kết hợp đồng lao động, chi trả tiền lương, đóng Bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo thỏa thuận tại hợp đồng đối với người lao động lo mình tuyển dụng..). Vào ngày 05/01/2024, Công ty N và Công ty L đã thỏa thuận ký kết với nhau Hợp đồng dịch vụ số 0501/2024/HĐDV/NK-LYAN. Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận: Công ty N có nghĩa vụ cung ứng người lao động cho Công ty L sử dụng và Công ty L có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cung ứng lao động cho Công ty N. Người lao động mà Công ty N cung ứng cho Công ty L để thực hiện công việc hợp pháp không vi phạm điều cấm của pháp luật (đóng gói các hàng hoá thực phẩm như: Miến, trà ...). Công Ty N đã cung ứng nguồn lao động cho Công ty L tháng 01 và tháng 02 năm 2024; theo thông tin Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000763 ngày 05/02/2024 (phí dịch vụ cung ứng và quản lý nguồn lao động tháng 01/2024) với số tiền 158.394.622 đồng và Hoá đơn GTGT số 00001394 ngày 05/03/2024 (phí dịch vụ cung ứng và quản lý nguồn lao động tháng 01/2024) với số tiền 14.056.452 đồng là đúng.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty L cũng thừa nhận có nợ Công ty N số tiền phí cung ứng dịch vụ lao động theo 02 Hoá đơn giá trị gia tăng trên và cam kết sẽ thanh toán tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng cho Công ty N cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau đó Công ty L vẫn chưa thanh toán cho Công ty N bất kỳ khoản tiền nào là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2.1] Xét yêu cầu trả lãi chậm thanh toán của nguyên đơn

Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng của số tiền 02 Hoá đơn giá trị gia tăng, tính theo lãi suất nợ quá hạn của trung bình của 03 Ngân hàng Agribank, Vietcombank và Vietinbank = 13,875%/năm là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự và các Điều 74, 75, 85, 86, 87, 306 của Luật Thương mại 2005; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Xét cần buộc Công ty L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty N số tiền tiền phí dịch vụ cung ứng lao động đến ngày 09/9/2025 tổng cộng là 209.793.594 đồng (bao gồm nợ gốc là 172.451.074 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.342.520 đồng).

[4] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án; đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét thấy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Hội đồng xét xử ghi nhận kiến nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc kiến nghị Toà án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và rút kinh nghiệm.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117, 357 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 74, 75, 85, 86, 87, 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Cung ứng N về việc yêu cầu Công ty TNHH Một Thành Viên L có trách nhiệm trả tiền phí cung ứng dịch vụ lao động tổng cộng là 209.793.594 đồng (bao gồm nợ gốc là 172.451.074 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.342.520 đồng).

- Buộc Công ty TNHH Một Thành Viên L có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Cung ứng Nhân Lực N số tiền tổng cộng là 209.793.594 đồng (hai trăm lẻ chín triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng). Bao gồm: Nợ gốc là 172.451.074 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm năm mươi một nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 09/9/2025 là 37.342.520 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Công ty TNHH Cung ứng Nhân Lực N có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH Một Thành Viên L chậm thanh toán, thì hàng tháng Công ty TNHH Một Thành Viên L còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Buộc Công ty TNHH Một Thành Viên L phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 10.489.679 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Cung ứng Nhân Lực N số tiền tạm ứng án phí là 4.625.345 đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0063042 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND khu vực 8 – Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan